

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-01-2022

v/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974;

Cư trú tại: tổ 5, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh N, vắng mặt.

Bị đơn: ông Lê Văn C, sinh năm 1970;

Cư trú tại: tổ 5, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông Lê Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm

sóc lẫn nhau. Nay bà nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau, nên yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn C.

Về con chung: bà và ông Lê Văn C có 02 con chung tên Lê Thị Y, sinh ngày 08/6/1995 và Lê Đức K, sinh ngày 08/5/2001, các con đều trên 18 tuổi có khả năng tự lao động sinh sống được, do đó bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Về hôn nhân: ông thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà Nguyễn Thị B về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân ly hôn và thời gian sống ly thân là đúng. Hiện nay, vợ chồng ông không thể chung sống hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: ông thống nhất với lời trình bày của bà B về con chung là đúng, do các con đều trên 18 tuổi có khả năng tự lao động sinh sống được nên ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: không công nhận bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C là vợ chồng.

Về nuôi con chung: bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C có 02 con chung tên Lê Thị Y, sinh ngày 08/6/1995 và Lê Đức K, sinh ngày 08/5/2001 đều trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B, ông C.

[2] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng bà B, ông C không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, nay bà B yêu cầu ly hôn với ông C, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C.

[3] Về nuôi con chung: bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C có 02 con chung tên Lê Thị Y, sinh ngày 08/6/1995 và Lê Đức K, sinh ngày 08/5/2001 đều trên 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không yêu đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C.

2. Về nuôi con chung: bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C có 02 con chung tên Lê Thị Y, sinh ngày 08/6/1995 và Lê Đức K, sinh ngày 08/5/2001 đều trên 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003645 ngày 08 tháng 12 năm

2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy